

STT	Tên đường phố, địa danh	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
866	Đường ven kênh Chu Đậu đoạn từ cầu Quán Táo đến Chợ Hóp	Đầu đường	Cuối đường	12.000	6.100	3.600	1.800	3.600	1.830	1.080	750	3.000	1.525	900	720
867	Đường từ thôn La Xuyên đến cầu sông Bến Vay	Đầu đường	Cuối đường	12.000	6.100	3.600	1.800	3.600	1.830	1.080	750	3.000	1.525	900	720
868	Đường dẫn phía Bắc cầu Hàn với đường 5B	Đầu đường	Cuối đường	24.000	16.000	8.000	4.000	7.200	4.800	2.400	1.200	6.000	4.000	2.000	1.000
869	Khu dân cư Đồng Khê	Các lô bảm đường giao cắt đường Dẫn Cầu Hàn		24.000				7.200				6.000			
870	Khu dân cư Đồng Khê	Các lô bảm đường có mặt cắt đường rộng Bn=15,5m và		16.000				4.800				4.000			
871	Khu dân cư Đồng Khê	Các lô bảm đường có mặt cắt đường rộng Bn=11,5m		12.000				3.600				3.000			
	Khu vực 2														
872	Đường trục xã	Đầu đường	Cuối đường	10.000	6.000	4.000	2.200	3.000	1.800	1.200	750	2.500	1.500	1.000	720
	Khu vực 3														
873	Đường trục chính thôn	Đầu đường	Cuối đường	6.000	4.000	3.000	1.500	1.800	1.200	900	750	1.500	1.000	750	720
72	XÃ THAI TÂN														
	Khu vực 1														
874	Đường 5B	Cầu Đồng Nội	Dốc đê Chợ Chu Đậu, xã Thái Tân	18.000	11.600	5.800	2.900	5.400	3.480	1.740	870	4.500	2.900	1.450	725
875	Đường trục đông Tây	Giáp xã Nam Sách	Dốc đê Mạc Bình	18.000	11.300	5.300	2.600	5.400	3.390	1.590	780	4.500	2.825	1.325	720
876	Đường dẫn phía Bắc cầu Hàn	Cổng chào thôn Quan Sơn	Nhà ông Cao Xuân Triệu	24.000	16.000	8.000	4.000	7.200	4.800	2.400	1.200	6.000	4.000	2.000	1.000
877	Khu đô thị Bắc Cầu Hàn	Đường có mặt cắt đường Bn=28m và Bn=26m		32.000				9.600				8.000			
878	Khu đô thị Bắc Cầu Hàn	Đường có mặt cắt đường Bn=20,5m		28.000				8.400				7.000			
879	Khu đô thị Bắc Cầu Hàn	Đường có mặt cắt đường Bn < 20,5m		25.000				7.500				6.250			
	Khu vực 2														
880	Đường trục xã	Cầu Đồng Nội	Nhà văn hóa Đậu (giữa thôn Uông Hạ)	10.000	6.000	4.000	2.200	3.000	1.800	1.200	750	2.500	1.500	1.000	720
881	Đường trục xã	Đường dẫn Cầu Hàn	Trạm biển áp thôn An Giới	10.000	6.000	4.000	2.200	3.000	1.800	1.200	750	2.500	1.500	1.000	720
882	Đường trục xã	Nhà VH Đậu thôn Uông Hạ	Khu đô thị Bắc Cầu Hàn	10.000	6.000	4.000	2.200	3.000	1.800	1.200	750	2.500	1.500	1.000	720
883	Đường trục xã	Trạm biển áp thôn An Giới	Dốc đê thôn Nhuế Sơn	10.000	6.000	4.000	2.200	3.000	1.800	1.200	750	2.500	1.500	1.000	720
884	Đường trục xã	Đường 5B khu Cầu Đầm	Cầu Cổng Gạch	8.000	5.000	2.500	1.100	2.400	1.500	780	750	2.000	1.250	750	720
885	Đường trục xã	Dốc đê An Dật	Nghĩa trang liệt sỹ	8.000	5.000	2.500	1.100	2.400	1.500	780	750	2.000	1.250	750	720
886	Khu đầu giá quyền sử dụng đất: Khu dân cư Uông Thượng 2	Đường nội bộ có mặt cắt đường Bn=6m		8.000				2.400				2.000			
887	Khu đầu giá quyền sử dụng đất: Khu dân cư mới thôn Chu Đậu	Đường nội bộ có mặt cắt đường Bn=5,5m		6.000				1.800				1.500			
	Khu vực 3														
888	Đường trục chính các thôn: Uông Hạ; Uông Thượng; Mạc Xá; Quan Sơn; Côi Hưng Sơn; An Giới	Đầu đường	Cuối đường	6.000	4.000	3.000	1.500	1.800	1.200	900	750	1.500	1.000	750	720
889	Đường trục chính các thôn: Chu Đậu; thôn Thượng; thôn Giữa; thôn Đình; Nhuế Sơn; Hùng Thắng	Đầu đường	Cuối đường	5.000	3.200	2.000	1.000	1.500	960	780	750	1.250	800	750	720
889	Đường trục chính các thôn: Tân Thắng; Mạc Bình; Mỹ Xá	Đầu đường	Cuối đường	3.000	2.000	1.500	900	900	810	780	750	800	760	740	720
73	XÃ TRẦN PHÚ														
	Khu vực 1														
890	Đường Tỉnh 390	Giáp xã Nam Sách	Cây xăng Minh Hiệp 2	21.000	15.000	7.000	3.500	6.300	4.500	2.100	1.050	5.250	3.750	1.750	875
891	Đường Tỉnh 390	Cây xăng Minh Hiệp 2	Hết địa phận xã Trần Phú	21.800	14.000	7.000	3.500	6.540	4.200	2.100	1.050	5.450	3.500	1.750	875